|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** | | |
| Số: /2021/NQ-HĐND | | | *Hà Nội, ngày tháng năm 2021* |

**DỰ THẢO ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT**

**NGHỊ QUYẾT**

**Sửa đổi, bổ sung Phụ lục 06 ban hành kèm theo Nghị quyết 10/2019/NQ-HĐND ngày 04/12/2019 của Hội đồng nhân dân quy định nội dung chi đối với công tác tổ chức thi tuyển (xét tuyển) công chức, viên chức; thi (xét) nâng ngạch (thăng hạng) công chức, viên chức của thành phố Hà Nội**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**KHÓA XVI - KỲ HỌP THỨ ….**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ số 76/2015/QH13 và Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13/11/2008; Luật Viên chức ngày 15/11/2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật viên chức ngày 25/11/2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015 và Luật sửa đổi. bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18/6/2020;*

*Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ quy định tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;*

*Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;*

*Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày / /2021 của UBND Thành phố về nội dung chi, mức chi đối với công tác tổ chức thi tuyển (xét tuyển) công chức, viên chức; thi (xét) nâng ngạch (thăng hạng) công chức, viên chức; Báo cáo thẩm tra số …./BC-HĐND ngày …/…/2021 của Ban Kinh tế và Ngân sách và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Sửa đổi, bổ sung Phụ lục 06 ban hành kèm theo Nghị quyết 10/2019/NQ-HĐND ngày 04/12/2019 của Hội đồng nhân dân quy định nội dung chi đối với công tác tổ chức thi tuyển (xét tuyển) công chức, viên chức; thi (xét) nâng ngạch (thăng hạng) công chức, viên chức của thành phố Hà Nội**

*(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo)*

**Điều 2. Hiệu lực thi hành**

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày...tháng...năm 2021.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Ủy ban thường vụ Quốc hội;  - Chính phủ;  - Văn phòng Chính phủ, Văn phòng Quốc hội;  - Ban công tác ĐB của UBTVQH;  - Các Bộ: Tư pháp, Tài chính;  - Thường trực Thành ủy Hà Nội;  - Đoàn đại biểu Quốc hội thành phố Hà Nội;  - Thường trực HĐND, UBND Thành phố;  - Đại biểu HĐND Thành phố;  - Các Ban HĐND Thành phố;  - VP Thành ủy, các Ban Đảng Thành ủy;  - VP HĐND TP, VP UBND TP;  - Các sở, ban, ngành, đoàn thể Thành phố;  - TT HĐND, UBND các quận, huyện, thị xã;  - Lưu: VT. | **CHỦ TỊCH**  **Nguyễn Ngọc Tuấn** |

**PHỤ LỤC**

**Sửa đổi, bổ sung Phụ lục 06 ban hành kèm theo Nghị quyết 10/2019/NQ-HĐND ngày 04/12/2019 của Hội dồng nhân dân Thành phố “Quy định nội dung chi, mức chi đối với công tác tổ chức thi tuyển (xét tuyển) công chức, viên chức;**

**thi (xét) nâng ngạch (thăng hạng) công chức, viên chứccủa thành phố Hà Nội**

*(Kèm theo Nghị quyết số* /2021/NQ-HĐND

*ngày tháng năm 2021 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội)*

| **STT** | **Nội dung chi** | **Đơn vị tính** | **Mức chi**  **(đồng)** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | Chi kiểm tra danh sách và tổng hợp thí sinh dự thi đủ điều kiện; lập danh sách phòng thi và đánh số báo danh | Thí sinh | 10.000 | Giữ nguyên |
| 2 | Chi cho các thành viên Hội đồng, thành viên các Ban, bộ phận giúp việc của Hội đồng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ |  |  | Sửa lại tên nội dung chi để phù hợp với tính chất công việc |
| + | Chủ tịch Hội đồng | Người/ngày | 315.000 | - Giữ nguyên mức chi vào ngày làm việc bình thường  - Bổ sung áp dụng mức chi bằng 200% nếu thực hiện vào ngày nghỉ theo quy định tại Nghị định 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ Luật lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động |
| + | Phó Chủ tịch Hội đồng, Trưởng các ban | Người/ngày | 300.000 | - Bổ sung chức danh Trưởng các ban  - Giữ nguyên mức chi vào ngày làm việc bình thường  - Bổ sung áp dụng mức chi bằng 200% nếu thực hiện vào ngày nghỉ theo quy định tại Nghị định 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ |
| + | Thư ký hội đồng, Phó trưởng các ban, thành viên Hội đồng | Người/ngày | 250.000 | - Bổ sung chức danh và mức chi áp dụng Phụ lục 03, Nghị quyết 22/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016  - Bổ sung áp dụng mức chi bằng 200% nếu thực hiện vào ngày nghỉ theo quy định tại Nghị định 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ |
| + | Thành viên các ban, bộ phận giúp việc của Hội đồng | Người/ngày | 210.000 | - Tăng mức chi áp dụng Phụ lục 03, Nghị quyết 22/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016  - Bổ sung áp dụng mức chi bằng 200% nếu thực hiện vào ngày nghỉ theo quy định tại Nghị định 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ |
| 3 | Chi tiền ăn cho các thành viên Hội đồng, thành viên các Ban, bộ phận giúp việc của Hội đồng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ | Người/ngày | 200.000 | Giữ nguyên |
| 4 | Chi tiền đi lại cho các thành viên Hội đồng, các Ban giúp việc Hội đồng thực hiện nhiệm vụ trong quá trình thực hiện nhiệm vụ | Người/ngày | 200.000 | Áp dụng mức chi tại Khoản 1 Điều 6 Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 quy định chế độ công tác phí, chế độ hội nghị |
| 5 | Chi biên soạn tài liệu hướng dẫn ôn tập | Trang A4 | 95.000 | Giữ nguyên |
| 6 | Thẩm định nội dung hướng dẫn ôn tập | Chuyên ngành | 1.000.000 | Giữ nguyên |
| 7 | Chi thanh toán cho giảng viên, báo cáo viên hướng dẫn ôn tập |  |  | Giữ nguyên |
| + | Chi bồi dưỡng | Người/buổi | 1.000.000 | Giữ nguyên |
| + | Chi ăn trưa (khoán) | Người/ngày | 200.000 | Giữ nguyên |
| + | Chi tiền đi lại (khoán 2 lượt) | Người/ngày | 200.000 | Giữ nguyên |
| 8 | Chi xây dựng ngân hàng câu hỏi trắc nghiệm kèm đáp án, hướng dẫn chấm (đối với thi trên giấy) các môn thi | Câu | 90.000 | - Giữ nguyên mức chi  - Sửa đổi nội dung chi và đơn vị tính cho phù hợp với Quy chế tổ chức ban hành kèm theo Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02/12/2020 (bổ sung cụm từ “hướng dẫn chấm” đối với thi trắc nghiệm trên giấy) |
| 9 | Chi xây dựng ngân hàng câu hỏi tự luận, phỏng vấn, thực hành kèm đáp án, hướng dẫn chấm các môn thi | Câu | 660.000 | - Bổ sung nội dung chi cho phù hợp với Quy chế tổ chức ban hành kèm theo Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02/12/2020  - Áp dụng bằng 1/3 mức chi tại Mục 10, Phụ lục 06, Nghị quyết 10/2019/NQ-HĐND quy định mức chi xây dựng đề thi viết 2.000.000 đồng/đề và đáp án gồm 3 câu |
| 10 | Chi thẩm định và biên tập câu trắc nghiệm | Câu hỏi | 80.000 | Giữ nguyên |
| 11 | Chi đánh máy và nhập vào ngân hàng câu trắc nghiệm, tải dữ liệu lên Website | Người/ngày | 230.000 | Giữ nguyên |
| 12 | Chi xây dựng đề thi kèm đáp án và hướng dẫn chấm | Đề | 2.000.000 | - Giữ nguyên mức chi  - Sửa đổi nội dung chi và đơn vị tính cho phù hợp với Quy chế tổ chức ban hành kèm theo Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02/12/2020 (bỏ cụm từ “viết” vì theo quy định còn có các hình thức thi phỏng vấn, thực hành, bổ sung cụm từ “hướng dẫn chấm”) |
| 13 | Chi xây dựng ma trận đề thi | Người/ngày | 230.000 | Bổ sung nội dung và mức chi áp dụng Mục 4, Phụ lục 01, Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 |
| 14 | Chi công tác làm đề thi, đổ đề thi (thi trắc nghiệm), nhân bản đề thi; bảo vệ trông coi máy chủ, đề thi, bài thi (cách ly 24/24h) |  |  | Sửa đổi nội dung chi cho phù hợp với Quy chế tổ chức ban hành kèm theo Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02/12/2020 |
| + | Chi bồi dưỡng | Người/ngày đêm | 1.000.000 | Giữ nguyên |
| + | Chi phục vụ ăn sáng, trưa, tối, đêm | Người/ngày đêm | 500.000 | Giữ nguyên |
|  | Chi giám sát kỳ thi (phụ cấp công tác phí đi kiểm tra, giám sát tại các đơn vị) | Người/ngày | 200.000 | Gộp vào Mục 4 |
| 15 | Chi hỗ trợ phương tiện đi giám sát kỳ thi | Thanh toán thực tế | | Giữ nguyên |
| 16 | Chi xác minh bằng cấp của thí sinh | Thí sinh | 50.000 | Giữ nguyên |
| 17 | Chi bồi dưỡng giám khảo chấm thi |  |  | Sửa đổi nội dung chi cho phù hợp với Quy chế tổ chức ban hành kèm theo Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02/12/2020 (bỏ cụm từ “các môn thi viết” vì theo quy định còn có các hình thức thi phỏng vấn, thực hành) |
| + | Chi bồi dưỡng | Người/buổi | 2.000.000 | Giữ nguyên |
| + | Chi ăn trưa (khoán) | Người/ngày | 200.000 | Giữ nguyên |
| + | Chi tiền đi lại (khoán 2 lượt) | Người/ngày | 200.000 | Giữ nguyên |
| 18 | Chi thuê phần mềm tổ chức thi trắc nghiệm | Thanh toán theo hợp đồng, chứng từ chi thực tế. Các khoản chi phí thực tế nêu trên khi thanh toán phải có đầy đủ chứng từ, hóa đơn theo quy định | | Giữ nguyên |
| 19 | Chi thuê hệ thống camera giám sát |
|  | Chi thuê cơ sở vật chất phục vụ kỳ thi (máy vi tính, hội trường, phòng thi...) |
| 20 | Chi thuê phần mềm và vật tư làm phách kép |
| 21 | Chi thuê trực y tế phục vụ kỳ thi |
| 22 | Chi mua xăng dầu; vật tư điện và CNTT; văn phòng phẩm; in, phô tô tài liệu; làm thẻ đeo cho hội đồng, các ban của hội đồng và thí sinh; trang trí trụ sở và hội trường… |

**Ghi chú:**

* Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, trường hợp 01 người giữ nhiều chức vụ hoặc kiêm nhiệm nhiều nhiệm vụ khác nhau thì chỉ được hưởng 01 mức bồi dưỡng cao nhất.
* Những nội dung chi khác không quy định tại phụ lục này, được thực hiện theo các quy định hiện hành. Trường hợp các văn bản trích dẫn trong phụ lục được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng các văn bản khác của cấp có thẩm quyền thì áp dụng quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế./.